Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2019
V/v "Nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Hà***.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông ***Lương Công Tiên***.

2/ Bà ***Trần Vĩnh Hạnh***.

- Thư ký phiên tòa: Bà ***Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương*** – Thư ký Tòa án nhân dân quận BT.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận BT, thành phố CT xét xử công khai vụ án thụ lý số 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà ***Đoàn Kim Ng***, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện CT, tỉnh HG.

* Bị đơn: Ông ***Lương Cao Phước L***, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 124/BT, khu vực Bình Phó A, phường LT, quận BT, thành phố CT.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Nguyên đơn bà Đoàn Kim Ng trình bày:***

Bà và ông Lương Cao Phước L qua tìm hiểu và tiến tới hôn nhân ngày 01/6/2018 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông L chung sống hạnh phúc khoảng 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp,

thường xuyên cãi vã, bà và ông L đã cố gắng hàn gắn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Từ tháng 12/2018 đến nay bà và ông L không còn chung sống vợ chồng, mỗi người đều tự chăm lo cho cuộc sống của mình. Nay, bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông L không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là ông Lương Cao Phước L trình bày:***

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Ng về quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay, ông đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Đoàn Kim Ng là vợ chồng. Con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Ng không có con chung và không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Ng vẫn giữ ý kiến như đã trình bày.

Ông Lương Cao Phước L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện bà Đoàn Kim Ng yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Lương Cao Phước L là vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là "Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Do ông L có địa chỉ thường trú tại khu vực Bình Phó A, phường Long Tuyền, quận BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận BT theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Kim Ng và ông Lương Cao Phước L qua tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà Ng và ông L chung sống được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, bà Ng và ông L đã cố gắng hàn gắn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Từ tháng 12/2018 đến nay bà Ng và ông L không còn chung sống vợ chồng, mỗi người đều tự chăm lo cho cuộc sống của mình. Nay, bà Ng yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện …" ."Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có

giá trị pháp lý". Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng….". Như vậy, giữa bà Ng và ông L có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại Biên bản làm việc ngày 27/8/2019 ông L cũng thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Ng.

Tại phiên tòa hôm nay ông L vắng mặt, còn bà Ng vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L. Xét thấy, yêu cầu của bà Ng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Ng và ông L khai thống nhất ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng và ông L khai thống nhất ông bà không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do ông L vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Kim Ng và ông Lương Cao Phước L.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

4. Về án phí: Bà Đoàn Kim Ng phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009986 ngày 07/8/2019 thành tiền án phí. Bà Ng đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương bị đơn được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố CT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:**
- TAND TP. CT;
- VKSND Q. BT;
- THA Q. BT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hà